

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2023/KDTM-ST
Ngày: 07-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chữ Cẩn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quốc Quân;

Bà Trần Thị Mộng Thu.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2023/TLST-KDTM ngày 17 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH B, địa chỉ: Số E tòa nhà T, đường H, khu C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1992, địa chỉ: tổ D, khu phố D, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/12/2022), có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần T, địa chỉ: lô A, đường số A, cụm C, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lu Zhi A, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Vũ Thị L thống nhất trình bày:

Công ty TNHH B (gọi tắt là Công ty B) và Công ty Cổ phần T (gọi tắt là Công ty T) có quan hệ mua bán hàng hóa là thùng giấy, giấy tấm, thanh giấy, giấy tổ ong... , việc mua bán hai bên không lập hợp đồng mà thông qua phiếu đặt hàng.

Tính từ tháng 5/2022 đến tháng 9/2022, Công ty B đã có nhiều đợt giao hàng và xuất 08 hóa đơn cho Công ty T với tổng giá trị là 1.492.210.106 đồng, trong đó hóa đơn số 32 ngày 23/5/2022 là 505.963.028 đồng, hóa đơn số 50 ngày 31/5/2022 là 312.705.226 đồng, hóa đơn số 51 ngày 31/5/2022 là 34.063.200 đồng, hóa đơn số 55 ngày 04/6/2022 là 128.035.933 đồng; hóa đơn số 75 ngày 30/6/2022 là 344.864.224 đồng; hóa đơn số 90 ngày 27/7/2022 là 25.350.156 đồng; hóa đơn số 132 ngày 31/8/2022 là 69.245.423 đồng; hóa đơn số 149 ngày 28/9/2022 là 71.982.916 đồng. Công ty T sẽ thanh toán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Công ty B xuất hóa đơn.

Do Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty B số tiền nợ gốc 1.492.210.106 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Vũ Thị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Ngày 09/6/2023, bị đơn đã trả thêm cho nguyên đơn 200.000.000 đồng (thực tế là 199.934.022, do trừ phí chuyển tiền nguyên đơn phải chịu); ngày 22/6/2023, bị đơn đã trả thêm cho nguyên đơn 100.000.000 đồng (thực tế là 99.967.011, do trừ phí chuyển tiền nguyên đơn phải chịu); nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 1.192.210.106 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét thấy việc nguyên đơn Công ty B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty T phải trả số tiền còn nợ, xuất phát từ việc mua bán hàng hóa là thùng giấy, giấy tấm, thanh giấy, giấy tổ ong, đây là vụ án kinh doanh thương mại:

“Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa”. Bị đơn có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên theo khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn là Công ty T, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 (hai) lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Nguyên đơn Công ty B yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là: 1.192.210.106 đồng, không yêu cầu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ.

[4] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn: Công ty B đưa ra các Phiếu giao hàng, Hóa đơn giá trị gia tăng để chứng minh việc mua bán hàng hóa, bao gồm hóa đơn số 32 ngày 23/5/2022, hóa đơn số 50 ngày 31/5/2022, hóa đơn số 51 ngày 31/5/2022, hóa đơn số 55 ngày 04/6/2022; hóa đơn số 75 ngày 30/6/2022; hóa đơn số 90 ngày 27/7/2022; hóa đơn số 132 ngày 31/8/2022; hóa đơn số 149 ngày 28/9/2022. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn Công ty T đều không có mặt, như vậy Công ty T đã từ bỏ quyền chứng minh của bị đơn đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Tòa án triệu tập hợp lệ Công ty T tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng Công ty T vẫn không có mặt là đã từ bỏ quyền phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, có căn cứ xác định Công ty T không có ý kiến phản đối đối với chứng cứ nguyên đơn cung cấp và đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Phiếu giao hàng, hóa đơn giá trị gia tăng, Công ty B xác định đã cung cấp hàng hóa cho Công ty T với tổng giá trị là 1.492.210.106 đồng, là phù hợp với giá trị hàng hóa và 08 hóa đơn Công ty T đã thực hiện việc kê khai khấu trừ đối với hàng hóa mua vào của Công ty B theo xác nhận của Cục Thuế tỉnh B tại Công văn 9829/CTBDU-TTKT4 ngày 09/6/2023, phù hợp với kê khai thuế của Công ty B theo xác nhận của Chi cục Thuế thành phố T tại Công văn số 2837/CCT-KTr1 ngày 22/5/2023. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác nhận bị đơn đã trả thêm cho nguyên đơn với số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 09/6/2023 và số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 22/6/2023 để thanh toán cho một phần số tiền phải thanh toán của Hóa đơn số 32 ngày 23/5/2022. Căn cứ khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại thì bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng theo thỏa thuận. Công ty T đã nhận hàng nhưng không thanh toán tiền hàng là vi phạm thỏa thuận do đó cần buộc Công ty T thanh toán cho Công ty B số tiền còn nợ là 1.192.210.106 đồng.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty B.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[8] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 280, Điều 289, Điều 370 của Bộ luật Dân sự năm 2015

- Điều 50, 55, 301, 306 Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH B về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty Cổ phần T.

Buộc Công ty Cổ phần T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH B số tiền 1.192.210.106 (một tỷ một trăm chín mươi hai triệu hai trăm mười nghìn một trăm lẻ sáu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

Buộc Công ty Cổ phần T phải chịu 47.766.303 (bốn mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm lẻ ba) đồng, tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH B số tiền 28.383.000 đồng (hai mươi tám triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006659 ngày 12-01-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chữ Cần